

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2022/QĐHG - DS

An Lão, ngày 11 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thẩm phán ra quyết định: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Căn cứ Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 23 tháng 02 năm 2022, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa:

Người yêu cầu: Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ trụ sở chính: Số T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông Lê Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ. Người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Đình N và ông Trần Văn T - Chức vụ: Điều là chuyên viên cao cấp xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Đ (văn bản ủy quyền số 7122G/2021/UQ-Seabank ngày 19 tháng 5 năm 2021) và anh Phạm Văn T và vợ là chị Nguyễn Thị Thanh G, cùng địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án,

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải: Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ trụ sở chính: Số T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật là ông Lê Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ. Người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Đình N và ông Trần Văn T - Chức vụ: Điều là chuyên viên cao cấp xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Đ và anh Phạm Văn T, và vợ là chị Nguyễn Thị Thanh G, cùng địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh G có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng từng lần số 752/2017/HĐTDTL-PGDLC ngày 01 tháng 12 năm 2017, tính đến ngày 23 tháng 02 năm 2022 là 186.020.688đ (một trăm tám mươi sáu triệu không trăm hai mươi nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng). Trong đó nợ gốc là 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 7.282.715 (bảy triệu hai trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm mười lăm đồng), nợ lãi quá hạn là 3.737.973 (ba triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng).

Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh G phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ kể từ sau ngày 23 tháng 02 năm 2022 cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từng lần số 752/2017/HĐTDTL-PGDLC ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh G.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh G không trả được Ngân hàng toàn bộ số tiền trên, Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng 264m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 79, tờ bản đồ số 268-C-III, địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 659909, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số H1300/AL do Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/11/2008 mang tên ông Phạm Quốc X và bà Dương Thị T và Hợp đồng cho tặng ngày 27 tháng 10 năm 2017 được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng chứng thực ngày 30 tháng 10 năm 2017 (có sơ đồ kèm theo).

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả nợ thì anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh G vẫn phải tiếp tục trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

3. Về lệ phí: Các bên đương sự không phải nộp tiền lệ phí yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

6. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

7. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Các bên;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THADS để thi hành;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tuấn Anh